

Bản án số: 1112/2024/HC-PT
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về thu hồi Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh.

Ông Trần Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 657/2024/TLPT-HC ngày 05/8/2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2023/HC-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3245/2024/QĐ-PT ngày 18/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phan Văn K, sinh năm 1931 và bà Lãng Thị H, sinh năm 1936. Cùng cư trú: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. (Đã chết)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K và bà Lãng Thị H gồm:

1.1. Bà Phan Lệ T, sinh năm 1961. Cư trú: 2444 C, S, CA 92111, USA; vắng mặt.

1.2. Ông Phan Chí T1, sinh năm 1963. Cư trú: Thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang; có mặt.

1.3. Ông Phan Văn T2, sinh năm 1965. Cư trú: 12535 Cypress W, S, CA 92131, USA; vắng mặt.

1.4. Bà Phan Thị Lệ T3, sinh năm 1969. Cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; có mặt.

1.5. Bà Phan Thị Thanh N, sinh năm 1970. Cư trú: 1206 Wheelingrd M, IL60056, USA; vắng mặt.

1.6. Ông Phan Vũ L, sinh năm 1975. Nơi cư trú trước: 2444 Comstock St, S, CA 92111, USA; vắng mặt.

1.7. Bà Phan Thị Thanh K1, sinh năm 1973. Cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

1.8. Bà Phan Thị H1, sinh năm 1976. Cư trú: Thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Lệ T, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị Thanh K1 và bà Phan Thị H1: Ông Đinh Văn P, sinh năm 1970. Cư trú: Tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; có mặt.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022; 23/3/2022 và ngày 23/9/2024)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Võ Trung C – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P; có mặt.

- Ông Trần Văn R – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trường THCS P2, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.2. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1951. Nơi cư trú: Tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Văn A. Nơi cư trú: Tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Văn Q. Nơi cư trú: Tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3.5. Ông Huỳnh Sĩ P1. Nơi cư trú: Tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt.

Do có kháng cáo của: Bà Phan Lệ T, ông Phan Văn T2, Phan Thị Thanh N (do ông Đinh Văn P đại diện), bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thị Thanh K2 - Là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2019 của nguyên đơn ông Phan Văn K, Lâm Thị H2 và lời khai của bà Phan Lệ T, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị Thanh N (do ông Đinh Văn P đại diện), bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thị Thanh

K2, ông Phan Chí T1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện ông K, bà H2 trình bày:

Nguồn gốc đất của vợ chồng ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H do cha mẹ để lại. Ông, bà quản lý sử dụng đất trồng lúa và làm đường cộ vận chuyển lúa từ đồng ruộng về nhà. Năm 1999, ông K chuyển nhượng diện tích đất làm đường cộ cho Trường trung học cơ sở P2 để làm lối đi với kích thước ngang 2,5m dài 121,5m chạy dài từ Tỉnh lộ 954 đến ranh đất Trường học với số tiền 3.040.000 đồng, nhưng ông K không nhận số tiền này mà hiến lại cho T4 sử dụng vào các hoạt động có ích của nhà trường, đồng thời Nhà trường tạo điều kiện cho gia đình và các con ông K được sử dụng đường này để vận chuyển lúa từ đồng ruộng về nhà, nếu việc sử dụng có gây thiệt hại thì gia đình ông K sẽ sửa chữa kịp thời và nếu Nhà trường hoặc người khác sử dụng gây thiệt hại thì Nhà trường có trách nhiệm xử lý. Việc chuyển nhượng đất được thể hiện tại Tờ cam kết ngày 08/10/1999, có các thành phần tham dự: Ông Trương Hiền K3 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, ông Lê Văn C1 – Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở P2, ông Võ Công T5 – Phó Hiệu trưởng và ông Phan Văn K.

Khi đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã P, hộ ông K đã làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01275QSĐĐ/nC ngày 26/3/2001 cho hộ ông Phan Văn K diện tích 2.116,7m² gồm các thửa: Số 112, 160 và 75, tờ bản đồ số 13. Trong đó diện tích 1.958,2m² thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 13 có một phần diện tích làm lối đi chung. Diện tích đất sử dụng làm lối đi từ ngoài Tỉnh lộ vào đến cổng trường, các hộ xung quanh cùng sử dụng lối đi này.

Ngày 28/9/2010, ông K, bà H làm đơn đề nghị và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số 01273, diện tích 1.958,2m² thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 13 và nhà ở có diện tích xây dựng 128,12m², diện tích sàn 256,24m² cho ông K, bà H đứng tên.

Ông Huỳnh Văn B gửi đơn kiến nghị yêu cầu xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà H đã lấn qua diện tích lối đi của các hộ dân và Trường học. Do đó ngày 30/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Thông báo số: 3386/TB-UBND thông báo việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K, bà H không đúng quy định của pháp luật. Ngày 30/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 4730/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01273 ngày 05/11/2010, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H. Lý do thu hồi: Cấp chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Ông Khi khiếu nại Quyết định số: 4730/QĐ-UBND thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 về việc giải quyết khiếu nại: Giữ nguyên Quyết định số: 4730/QĐ-UBND, bác khiếu nại của ông K.

Không đồng ý với hai Quyết định nêu trên, nên ông K và bà H khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, yêu cầu: Hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P và Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

- Tại Công văn số: 836/UBND-TNMT ngày 02/5/2019, Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch UBND huyện P có ý kiến về vụ án: Nội dung và trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 và Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 đúng quy định của pháp luật; yêu cầu vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trường trung học cơ sở P2, huyện P, tỉnh An Giang, ông Huỳnh Văn B, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Q, ông Huỳnh Sĩ P1: Vắng mặt.

- Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2019/HC-ST ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H đối với yêu cầu hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện ông K và bà H kháng cáo. Ngày 03/8/2020, bà Lăng Thị H chết.

- Bản án hành chính phúc thẩm số: 147/2021/HC-PT ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 08/2019/HC-ST, ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Ngày 04/8/2022, ông Phan Văn K chết.

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K, bà H gồm: Phan Lệ T, Phan Chí T1, Phan Văn T2, Phan Thị Lê T3, Phan Thị Thanh N, Phan Vũ L, Phan Thị Thanh K1, Phan Thị H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P bảo lưu các Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K và bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2023/HC-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; khoản 4, Điều 32; điểm a, khoản 2, Điều 193; khoản 1, Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H đối với yêu cầu

hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/3/2023, ông Đinh Văn P (ông P là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Lệ T, Phan Văn T2, Phan Thị Thanh N), bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thanh K1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Đinh Văn P là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K, bà H giữ nguyên kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P có ý kiến: Ngày 08/10/1999, ông K có lập Tờ cam kết chuyển nhượng cho Trường trung học cơ sở P2 304m² đất làm đường đi. Do ông K đã chuyển nhượng đất cho trường làm đường đi nên diện tích 304m² đất làm đường đi là đất công. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P bảo lưu Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K, bà H kháng cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào Tờ cam kết ngày 08/10/1999 có nội dung ông K chuyển nhượng cho Trường trung học cơ sở P2 diện tích 304m² đất làm đường đi, nhưng ông K không nhận tiền chuyển nhượng mà để làm đường đi chung cho học sinh và gia đình ông K. Vì vậy, ông K kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất đều có thể hiện phần đất làm lối đi chung thuộc thửa đất 112, tờ bản đồ số 13. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế của ông K, bà H đều có nguyện vọng giữ nguyên hiện trạng phần đường đi tại thửa đất 112, tờ

bản đồ số 13 để làm đường đi chung cho gia đình ông K và đường đi cho học sinh vào Trường trung học cơ sở P2. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K và bà H đối với thửa đất 112, tờ bản đồ số 13 là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P bác đơn khiếu nại của ông K là chưa đủ căn cứ. Do đó, chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông K, bà H, sửa Bản án sơ thẩm: Huy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Huy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đinh Văn P (ông P là người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Lệ T, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị Thanh N), bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thanh K1 làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Ông K và bà H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H; Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại các Điều 3, 30, 32, 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện:

[3.1] Ngày 30/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 4730/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 594519 ngày 05/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông K và bà H đối với diện tích 1.958,2m² thửa số 112, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Ông K và bà H có đơn khiếu nại và Chủ tịch Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bác đơn khiếu nại của ông K.

[3.2] Về nguồn gốc thửa đất 112, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P: Do ông Phan Văn K được hưởng thừa kế, trên thửa đất số 112 có đường đất do gia đình ông K tạo lập để làm đường đi cộ lùa từ ruộng về nhà.

Ngày 08/10/1999, Ủy ban nhân dân xã P, huyện P lập Tờ cam kết về việc thực hiện đường đi vào Trường trung học cơ sở P2 với nội dung: “Do trước đây ông K có thỏa thuận bán đất cho trường để xây dựng 06 phòng học cho phân hiệu P, nay ông K thống nhất bán phần đường cộ cho T5 để xây dựng làm đường đi cho trường với số tiền 3.040.000 đồng, nhưng ông K không nhận tiền mà giao lại cho T5 để sử dụng vào các hoạt động có ích. Ông K đề nghị gia đình và các con của ông được sử dụng để đi lại vận chuyển lúa vào nhà, nhà trường và chính quyền địa phương thống nhất cho đi và không được ngăn cản, trong quá trình sử dụng có thiệt hại hư hao thì phải sửa chữa lại hoàn chỉnh cho nhà trường”. Tờ cam kết có sự chứng kiến và cùng ký tên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P; Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở P2 và ông Phan Văn K (chủ đất).

Cùng năm 1999, ông K kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13 diện tích 1.958,2m² (có bao gồm phần đường đi) được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong thời gian này, gia đình ông K vẫn sử dụng đường đi để làm lối đi vào ruộng và Trường trung học cơ sở P2 sử dụng đường đi này để cho học sinh đi từ Tỉnh lộ 954 đến Trường học.

Tại hồ sơ kỹ thuật khu đất do Phòng địa chính huyện P3 vẽ ngày 19/3/2001 (bút lục số 43) đề cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Khi thể hiện: Khu đất thửa đất số 112 có thể hiện phần lối đi từ đường nhựa Tỉnh lộ 954 chiều dài 119,41 mét. Đến ngày 26/3/2001, Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02175.QSDD/nC cho hộ ông Phan Văn K đối với diện tích 2.116,7m² gồm các thửa: Số 112, 160 và 75, tờ bản đồ số 13 và 19. Trong đó diện tích 1.958,2m² thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 13 trong đó có một phần diện tích làm lối đi.

Đến ngày 28/9/2010, ông K, bà H tiếp tục làm đơn đề nghị và được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.958,2m² và tại hồ sơ kỹ thuật khu đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V đo vẽ ngày 04/11/2010 (bút lục số 38) cũng có thể hiện sơ đồ khu đất thửa đất số 112 có phần lối đi từ Đường tỉnh 954 vào có chiều dài 119,41 mét. Đến ngày 05/11/2010, Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Phan Văn K và bà Lãng Thị H theo số vào sổ cấp GCN: CH01273 đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.958,2m² trong đó có diện tích xây dựng 128,12m², diện tích sàn 256,24m² cho ông K, bà H đứng tên. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông K và bà H đứng tên cũng có thể hiện phần đất là đường đi tại thửa 112.

Như vậy, có căn cứ xác định hộ ông Phan Văn K, bà Lãng Thị H kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 112 tờ bản đồ số 13 phù hợp với quá trình sử dụng đất và được chính quyền địa phương xã xác nhận việc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà H đối với diện tích 1.958,2m², thửa 112 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại xã P, huyện P là đúng quy định của pháp luật về đất đai.

[3.3] Ủy ban nhân dân huyện P cho rằng do có đơn kiến nghị của ông Huỳnh Văn B khiếu nại cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đã lấn của các hộ dân và đất trường học. Nên Ủy ban nhân dân huyện P đã tiến hành thẩm tra xác minh lại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, bà H và tại Kết luận số: 215/KL-TTr ngày 21/9/2018 của Thanh tra huyện P thể hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K không có chồng lấn qua phần đất của các hộ dân mà có phần lối đi ngang 2,5m, dài 121,5m thuộc thửa đất số 112 do ông K đã có cam kết bán cho Trường trung học cơ sở P2 để làm lối đi vào trường nên ông K không còn quyền quản lý lối đi trên.

Tại Bản trích đo hiện trạng khu đất do Trung tâm quan trắc và kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh A lập ngày 03/10/2022 đã xác định phần đất là lối đi chung có diện tích 392,2m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01273 đã cấp cho ông K, bà H và tại Biên bản thẩm định, Biên bản đo đạc ngày 22/8/2022 thể hiện phần lối đi hiện nay đang được Nhà trường, gia đình ông K và một số hộ dân (Huỳnh Văn B, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Q1, Huỳnh Sĩ P1) cùng sử dụng lối đi này nhưng phần lối đi thuộc quyền sử dụng đất của gia đình ông K và bà H.

Xét ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng lối đi thuộc thửa đất số 112 của ông K đã giao cho Trường trung học cơ sở P2 quản lý theo Tờ cam kết ngày 08/10/1999 (ngày 06/10/1999) nên phần lối đi thuộc đất công là chưa có cơ sở. Bởi vì: Trước đây, ông K có thỏa thuận chuyển nhượng 2.261m² đất để xây dựng phòng học của Trường trung học cơ sở P2, giấy thỏa thuận chuyển nhượng có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã P ngày 02/8/1999 (bút lục số 07). Đến ngày 08/10/1999 (ngày 06/10/1999) Ủy ban nhân dân xã P, huyện P mới lập tờ cam kết về việc mở đường đi vào Trường trung học cơ sở P2 với nội dung: *“Do trước đây ông K có thỏa thuận bán đất cho trường để xây dựng 06 phòng học cho phân hiệu P, nay ông K thống nhất bán phần đường cộ cho T5 để xây dựng làm đường đi cho trường với số tiền 3.040.000 đồng, nhưng ông K không nhận tiền mà giao lại cho T5 để sử dụng vào các hoạt động có ích. Ông K đề nghị gia đình và các con của ông được sử dụng để đi lại vận chuyển lúa vào nhà, nhà trường và chính quyền địa phương thống nhất cho đi và không được ngăn cản, trong quá trình sử dụng có thiệt hại hư hao thì phải chữa lại hoàn chỉnh cho nhà trường”*.

Căn cứ vào Tờ cam kết thể hiện ông K bán phần đất cho trường để sử dụng làm lối đi nhưng ông K không có nhận tiền chuyển nhượng và Tờ cam kết còn thể hiện gia đình ông K và học sinh sử dụng phần lối đi chung này. Trong suốt quá trình khiếu nại và giải quyết vụ án người khởi kiện ông K, bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K và bà H vẫn thống nhất sử dụng con đường làm lối đi chung cho gia đình ông K và cho học sinh đi từ đường tỉnh lộ vào trường theo Tờ cam kết của ông K lập ngày 08/10/1999 (ngày 06/10/1999). Đồng thời Trường trung học cơ sở P2 cũng không có tranh chấp hay khiếu nại về việc ông K và bà H đứng tên kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 112 có bao gồm phần đất làm lối đi. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện P cho rằng phần đất làm lối đi tại thửa 112 là đất công do Trường trung học cơ sở P2 quản lý là chưa có căn cứ.

Như vậy, có căn cứ xác định ông K thực hiện việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục và phù hợp với quá trình sử dụng đất của gia đình ông K. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01273 ngày 05/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông K và bà H đối với diện tích 1.958,2m² thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã P, huyện P là chưa có cơ sở.

Ông K và bà H có đơn khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số: 01/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bác đơn khiếu nại của ông K là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông K, bà H.

[4] Do đó, chấp nhận kháng cáo của của bà Phan Lệ T, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thanh K1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K, bà H: Hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01273 ngày 05/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông K và bà H đối với diện tích 1.958,2m² thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã P, huyện P; hủy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H: Hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01273 ngày 05/11/2010 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông K và bà H đối với diện tích 1.958,2m² thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại xã P, huyện P; hủy Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hành chính: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại:

- Ủy ban nhân dân huyện P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính và khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Phan Lệ T, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thanh K1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận kháng cáo của bà Phan Lê T, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thanh K1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H.

2. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2023/HC-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; khoản 4, Điều 32; điểm a, khoản 2, Điều 193; khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 32 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Lê T, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị Thanh N, bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thanh K1, ông Phan Chí T1, ông Phan Vũ L là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H:

- Hủy Quyết định số: 4730/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc thu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01273 ngày 05/11/2010 diện tích 1.958,2m² thửa đất số 112, tờ bản đồ số 13 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Phan Văn K và bà Lăng Thị H, đất tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- Hủy Quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn K.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Phan Lệ T, ông Phan Văn T2, bà Phan Thị Thanh N (do ông Đinh Văn P đại diện), bà Phan Thị H1, bà Phan Thị Lệ T3, bà Phan Thị Thanh K1 mỗi người 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000188, 0000189, 0000190, 0000191, 0000378, 0000379 ngày 10/4/2023 và ngày 24/7/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**